

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình khởi công mới cho Kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Phổ Nhơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỔ NHƠN
KHÓA XIII – KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/08/2022 của HĐND thị xã Đức Phổ về việc phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ về nhiệm vụ thu chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách năm 2023;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND xã Phổ Nhơn về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình khởi công mới cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của xã Phổ Nhơn, trên cơ sở báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND xã tại Báo cáo số 19/BC-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2022 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình khởi công mới cho Kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Phổ Nhơn với các nội dung như sau:

1. Tổng vốn đầu tư ước tính 66.702,5 triệu đồng. Dự kiến vốn đầu tư giai đoạn 2023-2025 là: 24 công trình, vốn ước tính: 33.602,5 triệu đồng.

2. Hạng mục công trình:

2.1. Hạ tầng giao thông có 29 công trình (giảm 01 công trình), với tổng vốn đầu tư ước tính 36.150 triệu đồng. Dự kiến đầu tư giai đoạn 2023-2025 có 09 công trình (01 công trình chuyên tiếp Cầu Suối Đục), vốn ước tính: 9.300 triệu đồng.

2.2. Hạ tầng thủy lợi có 15 công trình (điều chỉnh giảm 4 công trình), tổng vốn đầu tư 17.702,5 triệu đồng. Dự kiến đầu tư giai đoạn 2023-2025 là 12 công trình, vốn ước tính: 15.302,5 triệu đồng (trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 10.202,5 triệu đồng).

2.3. Hạ tầng Văn hóa – thể thao có 03 công trình, tổng vốn đầu tư ước tính 2.750 triệu đồng.

2.4. Hạ tầng đô thị, môi trường có 4 công trình, tổng vốn đầu tư ước tính 10,1 tỷ đồng. Dự kiến đầu tư giai đoạn 2023-2025: 03 công trình, vốn ước tính: 9.000 triệu đồng

(Chi tiết có bảng Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thường trực HĐND xã, các ban HĐND xã, đại biểu HĐND xã thường xuyên giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 – 2026, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 08 năm 2021 của HĐND xã Phổ Nhơn về phê chuẩn danh mục công trình khởi công mới cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của xã Phổ Nhơn./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND thị xã;
- Phòng QLĐT tx;
- Phòng TC-KH thị xã;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa XIII;
- Các ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Vỹ

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI CHO KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA XÃ PHỐ NHƠN
(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 của HĐND xã Phố Nhơn)

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Quy mô, kích thước (m)	Tổng mức đầu tư ước tính (triệu đồng)	Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung ước tính (triệu đồng)	Trong đó:		Chênh lệch so với kế hoạch vốn trung hạn ban đầu đã duyệt	Ghi chú
					đã thi công giai đoạn 2021-2022	Đầu tư giai đoạn 2023-2025		
A	B	C	1	2	3	4	(5)=(2)-(1)	
	Tổng mức vốn đầu tư		70.600	66.702,5	30.350,0	33.602,5	-3.897,5	
I	Hạ tầng giao thông	20.258	35.350	36.150	26.850	9.300	800	
1	Tuyến Trạm xá - Vườn đình	1.200	2.400	2.400	2.400		-	2021
2	Tuyến từ ngã tư Nhơn Tân đi nhà ông Phụng (giai đoạn 2)	773	1.200	1.200	1.200		-	2021
3	Tuyến từ ngã tư Phước Hạ đi Nhơn Tân (gđ 2)	700	1.200	1.200	1.200		-	2021
4	Tuyến từ Ngã tư Phước Hạ đi Đá Mông	890	1.100	1.100	1.100		-	2021
5	Tuyến từ ngã tư Nhơn Tân đi Dốc Vay, Dốc Trà	800	1.400	1.400	1.400		-	2021
6	Tuyến từ Dốc đá Phố Ninh - nhà ông Tròn An Lợi (từ trường mẫu giáo đến Đồng tương)	1.000	1.700	1.700	1.700		-	2021
7	Tuyến từ vườn Chôm Chôm đi nhà Nguyễn Tâm (Phước Lợi)	700	1.200	1.200	1.200		-	2021
8	Tuyến từ ngõ Trần Sâm - Cầu Máng Trên (Nhơn Tân cũ)	1.000	1.700	1.700	1.700		-	2021
9	Tuyến Thủ kỳ Phước Nhơn đi Nhơn Tân (Gò Kỳ - nhà Chín Lê)	950	1.700	1.700	1.700		-	2021
10	Tuyến từ ngõ Phước Điền - giáp đường mương Bửu, đồi cỏ	650	1.000	1.000	1.000		-	2021
11	Tuyến từ nhà Chính Nghĩa - Sân Vận động và khu thể thao của xã	600	1.150	1.150	1.150		-	2021
12	Tuyến từ đường bê tông Phố Thuận - Phố Nhơn đi nhà ông Hiếu	810	900	900	900		-	2021
13	Tuyến từ Phước Thượng đi Nhơn Tân (Nhà Văn hóa đi Ngõ Sau)	1.000	1.300	1.300	1.300		-	2021
14	Tuyến cầu Suối Đục đi Dinh Bà	1.000	1.700	1.700	1.700		-	2021

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Quy mô, kích thước (m)	Tổng mức đầu tư ước tính (triệu đồng)	Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung ước tính (triệu đồng)	Trong đó:		Chênh lệch so với kế hoạch vốn trung hạn ban đầu đã duyệt	Ghi chú
					đã thi công giai đoạn 2021-2022	Đầu tư giai đoạn 2023-2025		
3	Kênh Phước Thượng - Bích Chiêu (giai đoạn 4)	600	1.000	1.000	1.000	0	2021	Điều chỉnh giảm (trùng CT, số 11+14)
4	Kênh Đập Làng (An Sơn cũ) - Phước Hạ (giai đoạn 3)	1.000	1.800	-	0	0	(1.800)	Điều chỉnh giảm (trùng CT, số 13)
5	KCH tuyến mương từ nhà ông Nguyễn Tiến Cán đi đất Thổ	600	1.000	-	0	0	(1.000)	Điều chỉnh giảm (Năm trong vùng cao tốc)
6	Kênh Na Liên - Lỗ Tranh, Lỗ Lờ (Nhon Bích)	600	1.000	-	0	0	(1.000)	Điều chỉnh giảm (Đã khảo sát nhưng không khả thi)
7	Đập Bồi sông Ba Liên và kênh dẫn		12.000	-			(12.000)	
8	KCH N2 mương Vực Bà - Mỹ Tréo (Nhon Tân)	500	800	800	800	800	-	
9	Kênh Đập Làng (Nhon Tân cũ) - Đồng Tình	600	1.000	1.000	1.000	1.000	-	
10	KCH mương Đập Bộng - Xóm Chùa (An Điền)	1.500	2.400	2.400	2.400	2.400	-	
11	KCH mương vườn Tung đi Đồng chòi (GD1)	968,3		900	900	900	900	Bổ sung từ vốn hỗ trợ mục tiêu của thị xã 2023
12	KCH kênh N7 đi Mương Ngang	1.000		1.200	1.200	1.200	1.200	Vốn Chương trình MTQG XD NTM
13	Tuyến từ nhà ông Càn đến phần Thâu	900		1.080	1.080	1.080	1.080	Vốn Chương trình MTQG XD NTM
14	KCH mương vườn Tung đi Đồng chòi (GD2)	1.000		1.200	1.200	1.200	1.200	Vốn Chương trình MTQG XD NTM
15	Tuyến Trổ Ngang đi Đá Voi	900		1.082,5	1.082,5	1.082,5	1.083	Vốn Chương trình MTQG XD NTM
16	KCH mương Bà Bông đi Bờ Mi - Đập Điện	1.500		1.800	1.800	1.800	1.800	Vốn Chương trình MTQG XD NTM
17	KCH Hồ lổ lá đến nhà ông Nhuận đi đốc bà buồn (gdd2)	1.000		1.200	1.200	1.200	1.200	Vốn Chương trình MTQG XD NTM

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Quy mô, kích thước (m)	Tổng mức đầu tư ước tính (triệu đồng)	Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung ước tính (triệu đồng)	Trong đó:		Chênh lệch so với kế hoạch vốn trung hạn ban đầu đã duyệt	Ghi chú
					đã thi công giai đoạn 2021-2022	Đầu tư giai đoạn 2023-2025		
18	KCH kênh mương từ nhà Ông thường đi thôn đôn điền đổi thửa	1.200		1.440		1.440	1.440	Vốn Chương trình MTQG XD NTM
19	KCH kênh mương tuyến đường Cây xoài bà thích đi trên đồng cầu bê	1.000		1.200		1.200	1.200	Vốn Chương trình MTQG XD NTM
III	Hạ tầng Văn hóa - thể thao - du lịch		2.750	2.750			0	
1	Sân vận động và khu thể thao xã Phổ Nhơn	7.566m ²	1.150	1.150		1.150	-	2021
2	Nhà văn hóa thôn Tân Sơn	123,5m ²	800	800		800	-	2021
3	Nhà văn hóa thôn Phước Lợi	123,5m ²	800	800		800	-	2021
IV	Hạ tầng đô thị		10.100	10.100		1.100	0	
1	Nghĩa trang nhân dân xã Phổ Nhơn		1.100	1.100		1.100	-	2021
2	Hệ thống điện Chiếu sáng từ Nhà ông Mạch đến sân bóng Phước Thượng cũ (giáp tuyến đường Phố Thuận - Phố Nhơn)	3.000m	3.500	3.500			3.500	
3	Hệ thống điện Chiếu sáng từ Ngã ba UBND xã đến cầu Đập Mỏ Côi	2.500m	3.000	3.000			3.000	
4	Hệ thống điện Chiếu sáng từ Ngã ba Chợ Trung tâm đến Nhà sinh hoạt thôn An Tây (cũ)	2.000m	2.500	2.500			2.500	